

Bản án số: 15/2020/HS-ST
Ngày 26-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Lầu

Ông Đàm Thế Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Mã Hùng Phúc - Kiểm sát viên và ông Bé Sư Chương - Kiểm sát viên (Công văn đến ngày 08/6/2020: Quyết định số 14/QĐ-VKSBL ngày 18/5/2020 về việc Phân công Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng)

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2020 đối với:

Bị cáo **Đặng A T**, sinh ngày 07/7/1995

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Đặng Cùn D (Đã chết) và bà Phùng Mùi N, sinh năm 1976; Vợ: Đặng Mùi C, sinh năm 1993; Con: Không có.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:**

- Bà Cô Thị D, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Xóm C, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).

- Ông Chung Văn H, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Xóm C, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đặng Cùn M, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).

- Ông Lý A T1, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Xóm C, xã V, huyện A, tỉnh Cao Bằng (Có mặt tại phiên tòa).

** Người làm chứng:*

- Ông Đặng Văn T2, sinh năm 2001; Nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do).

- Ông Chảo Sành S, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Xóm L, xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 10/4/2020, Đặng A T mượn xe máy của Đặng Văn T2, sau đó T một mình điều khiển xe máy đã mượn đến nhà ông Chung Văn H với mục đích hỏi vay tiền để đi trả nợ. Ông H không có đủ số tiền T cần vay là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nên ông H và vợ là bà Cô Thị D đã giao xe máy cùng giấy đăng ký xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu đỏ-đen, biển kiểm soát 97F5-5502 cho T đi bán, số tiền có được sau khi bán xe sẽ cho T nợ. Sau đó, T điều khiển chiếc xe máy của ông H đi đón Đặng Văn T đến nhà ông H để Đặng Văn T lấy xe của mình đi về nhà. Sau khi Đặng A T ra khỏi nhà ông H thì có Chảo Sành S đến nhà ông H trả nợ cho ông H và bà D số tiền là 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng), trả nợ xong S đi về, ông H đưa toàn bộ tiền cho bà D cầm rồi đi ngủ. Bà D cất số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) vào túi, còn 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đặt ở trên ghế gập bàn uống nước, dự định sẽ cất vào trong tủ. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Đặng A T dẫn theo Đặng Văn T2 đến nhà ông H, hai người cùng ngồi uống nước, nói chuyện với bà D ngay tại bàn uống nước. Trong lúc ngồi uống nước, Đặng A T cúi xuống lấy ống điều cày để hút thuốc lào thì nhìn thấy một xấp tiền để trên chiếc ghế nhựa màu đỏ ngay cạnh bàn uống nước, T đã nảy sinh ý định trộm cắp tiền. T quan sát thấy bà D đang đứng quay mặt ra hướng cửa, còn Đặng Văn T2 đang sử dụng điện thoại nên T đã lén lút cầm lấy hết số tiền đút vào túi quần bên phải. Sau đó, Đặng Văn T2 đi xe máy của mình về nhà, còn T điều khiển xe máy của ông H mang đi bán, trên đường đi Đặng A T dừng lại và kiểm đếm số tiền vừa trộm được là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) gồm 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Sau khi Đặng A T và Đặng Văn T2 ra khỏi nhà, bà D phát hiện số tiền để trên ghế bị mất, gọi điện thoại cho T và hỏi có được lấy 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để trên ghế không, T trả lời không được lấy. T điều khiển xe máy đến gặp ông Chảo Văn S, trú tại xóm N, xã B, huyện B, tỉnh Cao Bằng thỏa thuận việc bán xe máy nhưng không bán được. Sau đó, T quay về xóm L, xã H, B, tỉnh Cao

Bằng gặp chú ruột tên là Đặng Cùn M để hỏi vay tiền, T vay ông Minh số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), cộng thêm số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) T vừa trộm được tại nhà ông H thành 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) trả nợ cho ông Lý A T1. Sau khi trả nợ xong, T đi về nhà. Ngày 11/4/2020 ông H đến trình báo mất tài sản tại Công an xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đặng A T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Ngày 10/4/2020 tại nhà ông Chung Văn H và bà Cô Thị D, T đã lén lút trộm cắp số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) của ông H và bà D.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị hại bà Cô Thị D và ông Chung Văn H trình bày: Ông bà là vợ chồng, sáng ngày 10/4/2020 T có đến nhà ông bà hỏi vay 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) nhưng ông bà không có tiền nên đã bảo T lấy xe máy Honda Wave, biển kiểm soát 97F5-5502 của ông bà đi bán, được bao nhiêu tiền thì cho T vay. Sau đó, T đi đón bạn để đến lấy xe máy đi bán. Sau khi T đi thì có ông Chảo Sành S đến trả nợ ông bà số tiền là 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng). Bà D cất 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) vào túi, còn số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) gồm 10 tờ mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) bà để trên ghế gần bàn uống nước; ông H say rượu nên đi ngủ. Khoảng 12 giờ cùng ngày T cùng một người lạ đến nhà ông bà để T lấy xe máy đi bán, vì ông H đi ngủ, nên bà vào buồng gọi ông H dậy để gặp T, nhưng ông H không dậy được. Sau đó, T lấy xe máy của ông bà đi bán. Sau khi hai người rời đi, bà kiểm tra không thấy số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) mà bà đã để trên ghế gần bàn uống nước. Ông bà gọi điện cho T thì T nói không được lấy số tiền này. Ngày 11/4/2020 ông bà đến Công an xã H để trình báo. Hiện nay, ông bà đã nhận lại xe máy biển kiểm soát 97F5-5502 và số tiền bị mất là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), ông bà yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho ông bà số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền công ông bà đi tìm, đi trình báo về số tiền đã bị mất và tìm xe máy đã cho T mượn đi bán.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Đặng Cùn M trình bày: Ông là chú ruột của T, chiều tối ngày 10/4/2020 ông có cho T vay 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) gồm 25 tờ mệnh giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) để T đi trả nợ cho Lý A T1. Ông không biết T đã trộm tiền của ông H và bà D. Khi được Công an gọi đến làm việc ông mới biết, vì tiền T mang đi trả ông T1 bị tạm giữ, nên ông cho T vay thêm 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để trả cho ông T, tổng số tiền T vay ông là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Hiện nay, T đã trả hết số tiền này cho ông, ông không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình điều tra ông Lý A T1 trình bày: Khoảng 17 giờ ngày 10/4/2020 T đến nhà ông và trả ông số tiền đã nợ trước đó là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) gồm 10 tờ mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và 25 tờ mệnh giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Ông không biết mệnh giá tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) là do T trộm cắp mà có; ông đã giao nộp cho cơ quan Công an số tiền này. Hiện nay T đã trả xong tiền nợ cho ông, ông không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình điều tra ông Đặng Văn T2 trình bày: Khoảng hơn 10 giờ ngày 10/4/2020 T đến đón ông để đi nhà ông Chung Văn H giúp T lấy xe máy mượn của ông H để mang đi bán. Khi đến nhà ông H, T mua hai lon bia cùng ông ngồi uống tại bàn trong nhà ông H. Khi đó, có vợ ông H ngồi cùng bàn, còn ông H do say rượu nên ngủ trong buồng. Uống bia xong thì ông điều khiển xe máy của ông đi về nhà, còn T điều khiển xe máy của ông H đi đâu làm gì ông không biết. Ông không biết việc T trộm tiền tại bàn uống nước của vợ chồng ông H.

Trong quá trình điều tra ông Chảo Sảnh S trình bày: Khoảng 9 giờ đến 10 giờ ngày 10/4/2020 ông đến nhà ông H và bà D để trả nợ số tiền 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng) gồm 10 tờ mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) và 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Sau khi trả tiền cho ông H thì ông đi về nhà.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSBL ngày 18/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Đặng T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa các Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đặng A T theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Đặng A T phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt bị cáo Đặng A T từ 06 (Sáu) đến 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) đến 18 (Mười tám) tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng), đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đặng A T thừa nhận hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Đặng A T thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; Ngày 10/4/2020 bị cáo đã lén lút, chiếm đoạt tài sản của bị hại với số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Hành vi của bị cáo đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh xã hội ở địa phương.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 quy định:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:...."

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản"

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Đặng A T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân; Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo Đặng A T sinh ra và lớn lên tại xã H, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Bị cáo học hết lớp 5 thì bỏ học, bị cáo có sức khỏe lao động, được sống trong môi trường xã hội lành mạnh nhưng không chịu khó tu dưỡng rèn luyện đạo đức, chỉ vì ham muốn lợi ích trước mắt mà không làm chủ được bản thân nên đã dẫn thân vào con đường phạm tội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Tình tiết tăng nặng: Không có.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, không có tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần đưa ra một mức án phù hợp để giám sát giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại yêu cầu bị cáo có trách nhiệm thanh toán cho bị hại số tiền 1.200.000 đồng tiền công tìm xe máy đã cho bị cáo mượn đi bán. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này cho bị hại. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bị hại là chính đáng và cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017: Tuyên bố bị cáo Đặng A T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 xử phạt bị cáo Đặng A T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng giám sát, giáo dục. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Đặng A T phải bồi thường cho bị hại ông Chung Văn H và bà Cô Thị D tổng số tiền là 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo Đặng A T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện, Nhà tạm giữ;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã H;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÔ THỊ THÙY NGÂN

THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đàm Thế Dũng Dương Thị Lầu

Tô Thị Thùy Ngân